

CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG VỀ GIÁO DỤC CỦA NHO SĨ DUY TÂN VIỆT NAM ĐẦU THẾ XX

TRẦN THỊ HẠNH^(*)

1. Vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tầng lớp trí thức Nho học Việt Nam đã có sự khủng hoảng về ý thức hệ và sự phân hoá đội ngũ sâu sắc. Trước hết là sự hình thành những trí thức yêu nước, quyết định ly khai triều đình nhà Nguyễn, phản đối chủ trương cầu hòa của triều đình. Họ là những nho sĩ khởi đầu trong phong trào Duy Tân trưởng thành đầu thế kỷ XX: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lương Văn Can, Nguyễn Thượng Hiền,... Nho sĩ trong phong trào Duy Tân (gọi tắt là Nho sĩ Duy Tân) đầu thế kỷ XX đã thoát khỏi khoa cử hoặc họ thi đỗ nhưng đã tự thoát khỏi hệ thống quan liêu phong kiến để bảo tồn vị trí và vai trò của kẻ sĩ thực thụ trong xã hội. Họ bắt đầu thực hiện những chủ trương của mình một cách tương đối độc lập với triều đình phong kiến. Khác với lớp nho sĩ tiền bối, lớp Nho sĩ Duy Tân đầu thế kỷ XX đã bắt đầu cho sự đổi mới tư duy bằng việc “phóng tầm mắt” tới các nước láng giềng, các nước trong khu vực để nhìn nhận, đánh giá, học hỏi. Họ tiếp thu tư tưởng cải cách, duy tân của các vị tiền bối trong nước, của Nhật Bản, Trung Quốc và thông qua đó tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây. Về những tấm

gương yêu nước, tư tưởng cải cách ở Việt Nam, họ đọc những tác phẩm như: *Điều trần* của Nguyễn Trường Tộ; *Thời vụ sách*, *Thiên hạ đại thế luận* của Nguyễn Lộ Trạch. Không chỉ tiếp thu và phát triển tư tưởng, hành động, các nho sĩ còn trân trọng, giữ gìn các di thảo của các nhà canh tân. Các tác phẩm đó đều được Huỳnh Thúc Kháng cho in trên báo *Tiếng Dân* trong thập niên 30 của thế kỷ XX.

Chúng tôi cho rằng ý nghĩa phương pháp luận quan trọng nhất mà các nho sĩ đầu thế kỷ XX tiếp thu được từ các nho sĩ cuối thế kỷ XIX là phương pháp nhận định, đánh giá tình hình thực tế trong và ngoài nước. Nho sĩ Việt Nam từ đây bắt đầu từ bỏ nhận thức “nội hạ ngoại di”, thái độ kỳ thị phương Tây để hướng tầm nhìn tới khắp hoàn cầu. Hơn nữa, họ cũng đã sáng suốt nhận thức được sự khác biệt về điều kiện của Việt Nam so với các nước Đông Á khác để cảnh báo về việc áp dụng các thành tựu của nước ngoài vào Việt Nam phải luôn tính đến thực tế Việt Nam.

Nho sĩ Duy Tân hào hứng tìm đọc

(*) TS., Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tân thư, tân văn từ Nhật Bản, Trung Quốc. Hơn nữa, để biến mong muốn duy tân cứu nước thành hiện thực, các nhà yêu nước như Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đã xuất dương sang Trung Quốc, Nhật Bản để yết kiến, hội đàm với các nhà duy tân, cải cách như Lương Khải Siêu, Hoàng Khắc Cường, Chương Thái Viêm, Trương Kế, Inukai Tsuyoshi (Khuyển Dưỡng Nghị), Fuku Shima (Phúc Đảo), Okuma Shigenobu (Đại Ôi) và Tôn Trung Sơn. Các cuộc tiếp xúc đã giúp các nhà nho Việt Nam khai sáng về tư tưởng và từ đó họ có những quan điểm, chủ trương, đường lối cứu nước quan trọng. Đội ngũ nho sĩ có tư tưởng và hoạt động duy tân càng ngày càng đông đảo, khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Ngoài những nho sĩ chúng tôi đã đề cập ở phần trên, còn có thể kể tên nhiều nho sĩ mà cuộc đời và sự nghiệp của họ gắn với lịch sử dân tộc: Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Đặng Kinh Luân, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Võ Hoàn, Phan Đình Đối, Phan Huy Thịnh, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Tăng Bí, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thái Thân, Nguyễn Hàm,...

Theo nhận định của các nho sĩ Duy Tân, nước ta sở dĩ lạc hậu, bị mất nước còn do nguyên nhân sâu xa từ hệ thống giáo dục phong kiến lấy Nho học và khoa cử làm nòng cốt. Họ là sản phẩm trực tiếp của hệ thống giáo dục đó nhưng lại tuyên chiến với nó một cách trực diện. Họ coi đó như ung nhọt, nọc độc đối với đất nước, đối với nền văn hiến nước nhà.

Nho sĩ Duy Tân đã so sánh “giới giáo dục” của nước Việt Nam với các nước châu Âu, thấy giáo dục của ta và

nước họ hoàn toàn trái ngược nhau, họ văn minh tiến bộ còn ta thì bảo thủ, lạc hậu. “Người châu Âu đặt giáo dục chia làm ba bậc: tiểu học, trung học và đại học, cứ bốn năm là một bậc. Khi vào học, lấy những môn văn tự nước nhà ngày nay, cổ văn La Mã, văn tự, tiếng nói ngoại quốc, toán học, địa dư làm những môn học đầu tiên. Khi học đã mãn khóa, lần bậc tiến lên, thì cứ tùy theo năng khiếu của học sinh, hợp với môn học nào thì dạy cho môn học ấy: chia ra luật học, thiên văn học, võ bị học, y học, cách trí học... Học thành tài rồi sau mới dùng, dùng làm được việc thì sau mới thăng chức. Nước ta có thể không? Những môn ta học và nhớ ấy chỉ là sách Tàu; những bài ta chú thích ấy chỉ là lời của cổ nhân; những thứ ta thi ấy chỉ là kinh nghĩa, thơ ngữ ngôn, biên ngẫu thứ lục! Đó là điều ta trái với người về giáo dục” [9, 119].

Nho sĩ Duy Tân thực sự nhận ra một nghịch lý: nước Việt có hàng mấy trăm năm giáo dục khoa cử Nho giáo nhưng có tình trạng bất cập về trường, lớp; có trường lớp mà như không, không có hệ thống giáo dục phổ thông cho mọi người cũng bởi mục đích giáo dục. “Nước ta có khoa cử mà không có trường học, nhưng cũng chưa từng có tiếng là không có trường học. Mục đích lập trường học khác với các nước phương Tây. (...). Trường học nước ta lấy khoa cử làm mục đích, cho nên không phải ai cũng có chí trở thành công khanh đại phu, nhưng mặc dù dốt đặc thì chí vẫn ở chỗ công khanh đại phu. Vậy nên họ cứ cầm đầu, cầm cổ đọc những cuốn sách trống rỗng, không thiết thực, kiến thức thiếu thốn. Học xong đi thi, hoặc mong ở chỗ văn hay, hoặc sao chép những lời cũ

rich. Bất hạnh mà hỏng thì trở về làm kẻ sĩ, làm thầy đồ, chờ khoa thi sau (...). Không có nọc độc của khoa cử, làm sao đến nỗi hàng trăm thứ học bị bỏ phế, nhân tâm suy yếu như vậy! Chúng ta phải căm ghét, đau đớn vì tình trạng đó, không để thiếu niên chúng ta nhiễm lây cái nọc độc ấy nữa” [13, 74].

Tệ nạn trong giáo dục là hiện tượng khá phổ biến trong xã hội phong kiến: chạy chọt để có thể thi đỗ, có thể vào chốn quan trường, gian lận trong thi cử, từ đó sinh tệ nạn khôn cùng cho xã hội. “Cho đến việc khoa mục là việc to lớn như trời mà người ta cũng dùng tiền chạy chọt, không chút kiêng dè. Người ta chỉ chú trọng việc làm quan và thi đậu, nhờ bất liêm mà được thì còn biết xấu hổ là gì nữa” [3, 146].

Nội dung của giáo dục Nho giáo là cổ thư, cổ văn, không học khoa học tự nhiên kỹ thuật, chỉ chú trọng kinh nghĩa, thơ phú, không có lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội, thậm chí cản trở sự sáng tạo của người học, cản trở sự phát triển của xã hội. “Này nhé: nào là kinh nghĩa, là phú, là thơ, là chiếu, là biểu, là luận, là văn sách, đều là phép thi của ta cả đấy, nhưng không biết những lối phá, thừa, khởi, thúc, thanh, luật, biên ngẫu, có ích cho thực dụng không? Lại không biết trong bọn các cụ đồ già, các thầy giáo thạo văn cử nghiệp, có ai là người biết được đến năm châu là những châu gì, thế kỷ này là thế kỷ mấy? Thế rồi trong lối văn thi, cấm liên thượng phạm hạ, cấm lạc vận, thất niêm, cấm viết sai, viết sót chữ trong đầu đề, cấm thiệp tích ở trên hay bốn bề xung quanh dấu giáp phùng hoặc dấu nhật trung đã đóng chỗ đồ, chỗ di, câu, cải, không được sai suyển. Mục thước đến thế cũng đã hết

chỗ nói. Nhưng chẳng qua chỉ làm cho người ta bó buộc cái tính tự do, suy sút tinh thần hăng hái, để chăm vào cái học vấn rất vô dụng mà thôi!” [13, 125-126].

Nho sĩ Duy Tân thể hiện sự phản đối nền giáo dục phong kiến một cách công khai, mạnh mẽ. Sử sách đã ghi chép rằng, Dương Bá Trạc coi tấm bằng cử nhân của mình chỉ đáng giá một xu; Nguyễn Thượng Hiền đã hối tiếc vì theo nghiệp khoa cử; Phan Chu Trinh mỉa mai chuyện bia, bảng, võng lọng hư danh; Nguyễn Phan Lãng cho rằng học theo kiểu Tàu chỉ là đua nghề hủ bại với nhau; Phan Bội Châu tỏ rõ sự thất vọng đối với nền giáo dục Hán học, hối tiếc mình đã theo học Hán học,...

Nho sĩ Duy Tân không chỉ phê phán giáo dục phong kiến mà còn phê phán mạnh mẽ hơn đối với giáo dục thuộc địa. Hơn ai hết, họ hiểu bản chất của nền giáo dục ấy. Phan Bội Châu đã thẳng thừng chỉ ra: “Nó mở ra trường học Pháp - Việt, nhưng cái gọi là trường Pháp - Việt này, nó cũng chỉ dạy cho biết sơ sơ chữ Pháp, dịch được qua loa tiếng Pháp, đã coi là đủ rồi. Còn như điện học, hóa học, binh học, thương học, người Pháp có đặt ra một khoa nào đâu. Giẫm đạp cả cổ cung, cày bừa cả cấm địa để làm trường canh nông, trường bách nghệ, người Pháp chỉ khoái trá về chỗ nó làm mất chí khí người nước ta mà thôi. (...) Cách làm cho ta ngu, ta yếu nó chỉ sợ ta không ngày càng ngu hơn, càng ngày càng yếu hơn mà thôi” [4, 192].

Nền giáo dục thuộc địa thể hiện sự phân biệt giữa người Pháp và người Việt, nhưng điều nghịch lý hơn cả là thực dân Pháp còn đàn áp công khai những chí sĩ Việt Nam mở trường dạy học

cho con em dân tộc mình. Phan Chu Trinh trong tác phẩm *“Trung kỳ dân biến tưng oan thủy mặt kỳ”* (*Lời kêu oan cho vụ Trung kỳ dân biến*) cũng đã nêu lên thực trạng phá trường học, bắt giáo sư, nhiều hại nhân dân của quan Pháp và binh lính tay sai.

2. Giáo dục là lĩnh vực đặc biệt, tạo ra con người nhân cách, con người nhân văn, con người tài trí nên có vai trò quyết định việc thịnh suy của một chính thể, văn minh hay suy thoái của một dân tộc. Giáo dục lạc hậu, bảo thủ, thiếu tính thực dụng, một bộ phận thì thể hiện rõ tính chất nô dịch như tình trạng Việt Nam lúc bấy giờ tất yếu dẫn đến ngu trí thức nói riêng và dân trí nói chung rơi vào tình trạng khủng hoảng, cần phải được đổi mới. Nho sĩ Duy Tân đã thể hiện tư tưởng và hành động duy tân về giáo dục một cách tương đối toàn diện qua xác định: vai trò, mục đích, đối tượng, nội dung, mô hình, phương thức giáo dục.

** Về vai trò của giáo dục*

Đối với các nho sĩ Duy Tân, giáo dục là khuôn đúc con người, là sinh mệnh của dân, còn dân là sinh mệnh của nước; sự tồn vong và hưng thịnh của đất nước một phần phụ thuộc vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài. Dân trí và giáo dục có vai trò rất quan trọng đối với nền chính trị dân chủ, với xã hội hiện đại, văn minh. Nho sĩ là tầng lớp trí thức của xã hội nên họ luôn coi trọng và đề cao trí thức. Trí thức là dấu hiệu cơ bản để phân biệt, so sánh con người với vạn vật và đưa con người lên vị trí ưu đẳng, đóng vai trò là “bậc tôn trưởng ở trong vạn vật”. Trí thức chẳng những mang lại sức mạnh cho con người, mà còn là động lực của sự

phát triển cho từng dân tộc. “Nền cộng hòa của nước Pháp, nước Mỹ là do dân trí mà có; nền lập hiến của Nhật, Anh, Đức cũng do dân trí mà ra” [4, 392].

Các nhà nho canh tân thế kỷ XIX đã đề cập đến mở mang dân trí, nhưng thế hệ nho sĩ đầu thế kỷ XX thì vấn đề dân trí, vấn đề giáo dục cho mọi người được xem xét một cách có lý luận, trở thành nội dung cơ bản trong sáng tác văn chương và hoạt động chính trị, phổ biến rộng rãi.

** Về mục đích giáo dục*

Mục đích tối cao của việc học là học để làm người. Đối tượng của giáo dục là số đông dân chúng để họ có thể trở thành người công dân tốt của xã hội, từ đó xã hội có thể tiến dần tới văn minh.

“Bất kỳ dân tộc nào, kẻ thượng trí cùng hạ ngu thường thường có ít mà trung nhân thì nhiều, nên cách giáo dục cho phần nhiều đều có cái phổ thông tri thức” [8, 98]. Huỳnh Thúc Kháng cho rằng, cái trường học để “làm người” tức là cái cõi đời ta vậy. Bao nhiêu sự khốn khó ở đời, bao nhiêu sự kinh nghiệm người trước để lại đều là những bài dạy cho ta. “Làm người” ở đời đã khó thì “học làm người” chắc không phải chuyện dễ. Trước sau như một, Huỳnh Thúc Kháng chỉ ham chuộng ánh sáng của nghĩa khí, trí tuệ và học vấn. Giáo dục phải tạo con người mới, phải xóa bỏ tính ỷ lại, cách suy nghĩ theo lối tâm chương, trích cú cũng như cách học theo “đạo nghĩa suông”; tạo cho con người có “não chất độc lập”, dám nghĩ, dám làm, tự tin ở chính mình, phát huy ý chí tự lập, tự cường, tài năng, thông minh và sáng tạo của con người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc.

Năng lực sáng tạo của con người là vô tận và đó chính là trung tâm sức mạnh của con người.

Mục đích xuyên suốt của giáo dục, theo nho sĩ Duy Tân, là nâng cao trình độ dân trí. Giáo dục là biện pháp hữu hiệu nhất, là phương thuốc tốt nhất để nâng cao trình độ dân trí. Dân trí phát đạt thì kinh tế mới được mở mang, dân trí lên cao thì dân quyền được tôn trọng, từ đó sức mạnh nội lực sẽ được tăng cường. Dân trí cao tức là toàn dân có tri thức mới, có trình độ ngày càng cao. Mục đích giáo dục như vậy sẽ giúp cho dân tin ở khả năng của mình để học, tiến bộ chứ không còn học chỉ để thi đỗ, để thăng quan tiến chức.

Phan Bội Châu đã chỉ cho mọi người thấy rằng, ngu thì mê muội, ngờ vực nhau, ghét nhau, chia lìa nhau, ngu thì đại, ngu thì hại nhau, ngu thì bạc nhược, cam chịu, yếu hèn,... mà yếu thì mất, mất thì diệt, diệt thì tuyệt. Vì thế, để thoát khỏi hoạ diệt chủng thì dân tộc Việt Nam phải vươn lên để tự khẳng định bằng tài năng và trí tuệ của bản thân mình. Càng cạnh tranh khốc liệt bao nhiêu thì vai trò của tri thức càng thể hiện rõ bấy nhiêu. Phan Bội Châu đã ý thức rằng, trong cuộc cạnh tranh của thế giới hiện nay thì ngu dốt không thể thích ứng được và sớm hay muộn tất phải đào thải. Ông đã từng khuyến cáo: chết vì “bụng đói” vốn là một thảm hoạ, còn chết vì “óc đói” thì là thảm hoạ thật khôn lường, vì nó sẽ để lại nhiều di chứng tai hại, lâu dài cho các thế hệ tiếp sau. Từ thực tế trên con đường hoạt động cứu nước của mình, Phan Bội Châu đã thấy rõ nguồn lực chất xám của dân tộc Việt Nam rất dồi dào, nhưng nguồn lực đó cần phải được bồi

bổ và phát huy để đủ sức giúp dân tộc giành chiến thắng trong cuộc cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Chính tư tưởng này đã đặt cơ sở lý luận cho một số chủ trương của Phan Bội Châu, như chủ trương du học, thực hiện cải cách giáo dục, nâng cao dân trí và đào tạo, bồi dưỡng nhân tài. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên trong cảnh “nước sôi, lửa bỏng” lúc bấy giờ, mà ông vẫn dành nhiều tâm huyết đối với việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài cho đất nước; trực tiếp lãnh đạo phong trào Đông Du, kêu gọi mọi người đoàn kết hỗ trợ nhau để nâng cao dân trí.

Phan Chu Trinh hiểu rằng, đối mặt với phương Tây là chúng ta đối mặt với cả một thời đại khác về văn hoá, mới mẻ và tân tiến. Muốn cứu nước, phải khắc phục chính cái khoảng cách về thời đại đó, phải tự thay đổi dân tộc mình, đưa dân tộc vượt lên hẳn một thời đại mới. Ông là người có niềm tin vào tri thức của con người. Con người có tri thức mới thì sẽ có thể làm nên tất cả, có thể lay trời chuyển đất. Đối với Phan Chu Trinh, phải là nhân dân, toàn dân có tri thức mới chứ không phải một số ít nhân tài. Giáo dục là cung cấp tri thức mới.

**Về đối tượng của giáo dục*

Nho sĩ Duy Tân tạo ra một cuộc cách mạng trong tư tưởng giáo dục trên cả khía cạnh xác định đối tượng giáo dục. Họ tuyên truyền cho tư tưởng dân chủ, bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, giới, đẳng cấp trong giáo dục.

Phan Bội Châu còn nhấn mạnh việc cần phải quan tâm đặc biệt đến giáo dục cho phụ nữ và binh lính. Ông cho rằng, người lính được phân chia thành pháo binh, công binh, kỵ binh, thủy binh, bộ

binh được giáo dục theo những cách thức khác nhau; sĩ quan cũng vậy. Người lính không chỉ được giáo dục để làm nhiệm vụ của binh nghiệp mà còn được dạy để giúp người làm ruộng, người đi buôn, người mở đất... giúp nước ngày càng hùng mạnh. Đối với giáo dục phụ nữ, Phan Bội Châu đã vượt lên trên nhân sinh quan Nho giáo để tiếp cận quan điểm tiến bộ, hiện đại: “Nước mà được duy tân thì việc giáo dục nữ giới là việc quan trọng lắm. Sách để dạy chị em phụ nữ phải chọn những sách hay sách tốt. Trường học để dạy chị em phụ nữ phải chọn những thầy giáo tốt và giỏi hơn. Bao nhiêu những trường công nghệ, nhà dưỡng bệnh, sở thương mại, kho bạc, bưu điện, xe hơi, tàu điện mà có quan hệ trong nền tài chính, thì dùng người phụ nữ có học hành giỏi là hơn cả, họ cũng sẽ ra tài giúp nước chẳng khác gì nam giới” [4, 264].

Giáo dục mới còn phải có nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng đối với những người chịu thiệt thòi trong xã hội như: người mù, người câm điếc, người tàn tật, trẻ nghèo khó, trẻ mồ côi, người đã từng mắc tội bị tù đầy... Giáo dục thực nghiệp sẽ giúp cho họ không bị thất nghiệp, được xã hội giúp đỡ, cứu mang, được hưởng thái bình hạnh phúc. Như vậy, các nho sĩ Duy Tân đã khẳng định, giáo dục có vị trí thiết yếu, có vai trò quan trọng đối với tất cả các thành viên trong xã hội. Con người vừa là đối tượng vừa là chủ thể tích cực của quá trình giáo dục. Tư tưởng và phương châm “toàn dân được giáo dục” trở thành nền tảng, là tổ chất nội tại của tư tưởng xây dựng nền giáo dục cách mạng mới sau này.

**Về mô hình, phương thức giáo dục*

Các nho sĩ Duy Tân đầu thế kỷ XX

tích cực tiếp thu tư tưởng phương Tây trong mô hình giáo dục, tổ chức trường học. Họ hình thành nhiều mô hình trường lớp, cách thức tổ chức dạy học rất phong phú, phù hợp với tính chất và yêu cầu của nền giáo dục mới, nền giáo dục thực tế: “Mở trường để cho người nước ta bất kỳ giàu nghèo, sang hèn, trai gái kể từ năm tuổi trở lên, thì vào học ở trường ấu trĩ viện, để chịu sự giáo dục của bậc ấu trĩ; tám tuổi trở lên thì vào học ở bậc tiểu học, để chịu sự giáo dục của bậc tiểu học; mười bốn tuổi trở lên thì vào học ở trường trung học, để chịu sự giáo dục của bậc trung học; đến tuổi mười tám thì tài chất đã khá, thì vào trường cao đẳng, để chịu sự giáo dục của trường cao đẳng chuyên nghiệp” [4, 262].

Điểm đổi mới đặc sắc trong tư tưởng về giáo dục của nho sĩ là coi giáo dục là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân, từ đó sử dụng nhiều phương thức phong phú, sinh động khác nhau để đạt mục đích giáo dục. Việc họ cổ vũ, khuyến khích sử dụng chữ Quốc ngữ làm phương tiện giáo dục là một ví dụ. Trần Quý Cáp, một lãnh tụ trong phong trào Duy Tân, trường hợp điển hình, đã vượt qua dư luận của thời cuộc khi nhiều người cho chữ Quốc ngữ là “chữ của Tây”, “chữ phản quốc” thì ông lại gọi nó là “hồn trong nước”, do đó phải phổ biến chữ Quốc ngữ, dạy chữ Quốc ngữ và dịch cả sách nước ngoài ra chữ Quốc ngữ để dạy cho dân ta. Có như thế thì Việt Nam mới có thể tiếp cận được các tri thức khoa học của thời đại. Bản thân các nho sĩ cũng dùng chữ Quốc ngữ để sáng tác ngày càng nhiều các tác phẩm chuyển tải tư tưởng duy tân đến đại đa số quần chúng nhân dân.

Diễn thuyết là một hình thức để

truyền bá, giáo dục chưa từng có trong lịch sử giáo dục Việt Nam, tuy nhiên đến đầu thế kỷ XX các nho sĩ Duy Tân đã bắt đầu chủ xướng phương pháp này. Các trường thường xuyên tổ chức diễn thuyết, sinh hoạt tập thể cho học sinh nghe và tranh luận về những vấn đề chính trị, xã hội và điều kiện tân tiến ở nước ngoài để áp dụng vào Việt Nam. Để cho việc học thực sự hữu dụng, các ông chủ trương học bằng khảo sát trên thực tế, vừa học văn hóa vừa học nghề nghiệp, Tư tưởng mới về mô hình, phương thức giáo dục của nho sĩ là hệ quả tất yếu của quá trình đổi mới tư tưởng về mục đích và đối tượng giáo dục.

** Về nội dung giáo dục*

Nho sĩ Duy Tân chủ trương nội dung cơ bản nhất của giáo dục là tri thức mới. Do đó nội dung giáo dục phải phong phú, thực tế, các môn học được giảng dạy gần gũi với đời sống như địa lý, lịch sử, phép toán, các hiện tượng vật lý. Ngoài ra, học sinh còn được học về nghệ thuật, thể thao, kỹ năng hoạt động tập thể. Nội dung giáo dục được hiển thị thông qua sách giáo khoa và tài liệu tham khảo được quy chuẩn thống nhất cơ bản trong hệ thống giáo dục quốc dân, được thông qua nghị viện, có tính pháp lý.

Đào Nguyên Phổ, trong thời kỳ làm quan ngắn ngủi ở Huế (1901-1902), đã hình thành tư tưởng xây dựng một nền tân học, đưa kiến thức mới vào chương trình cũ, cải cách nội dung chương trình đào tạo các cấp. Bản thân ông cũng hăng hái tham gia các lớp học của người Pháp. Ông đã đề nghị với Thượng thư Bộ Lại xem xét, gửi các thương vụ và thương gia Hoa kiều mua giúp các sách tân thư để thay thế cho hệ thống “chính

văn” tứ thư, ngũ kinh.

Các nho sĩ sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục như Hoàng Tăng Bí, Lương Văn Can, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Đại, Phan Đình Đối, Vũ Hoàn, Đặng Kinh Luân, Phan Tuấn Phong, Nguyễn Quyền, Phan Huy Thịnh, Dương Bá Trạc... cũng đã biên soạn các bộ sách: *Văn minh tân học*, *Quốc dân độc bản*, *Tân đính luân lý giáo khoa thư*, *Cải lương nông học quốc sử giáo khoa thư*, *Nam quốc giai sử truyện*, *Nam quốc vĩ nhân*, *Nam quốc lịch sử*, *Quốc văn tập đọc*... cùng các tân thư, tân văn được truyền giảng trong nhà trường đã thể hiện rõ nét toàn bộ tư tưởng duy tân về nội dung giáo dục của các ông.

Học nghề là một nhiệm vụ quan trọng của nền giáo dục duy tân. Nho sĩ Duy Tân chủ trương phát triển các trường dạy nghề, coi đó là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trường nghề sẽ đào tạo ra đội ngũ những người thợ lành nghề, tinh tường, giỏi giang như thợ mỏ, thợ nấu vàng, thợ đúc súng, thợ chế tạo máy móc, thợ sản xuất hàng hóa để buôn bán, thợ vẽ, thợ may không thua kém gì những người thợ Âu, Mỹ.

Học ngoại ngữ: trường học dạy cho học sinh nhiều môn học bằng nhiều thứ chữ có cả chữ Hán, chữ Quốc ngữ và cả tiếng Pháp, tiếng Nhật. Đây là một điểm đổi mới khá mạnh mẽ và táo bạo của nho sĩ Duy Tân. Họ cho rằng, trong thời buổi Đông-Tây giao kết thì người Việt ta phải thông tỏ nhiều thứ tiếng của các nước thì mới có thể học hỏi văn minh được.

Học khoa học thường thức: các nho sĩ khuyến khích trường tinh thần tin ở khoa học, chủ trương sắp đặt công việc trong

cuộc sống theo tinh thần khoa học, tin vào việc làm của con người. Họ dạy cho học sinh tri thức khoa học, khoa học thường thức giúp cuộc sống ngày càng văn minh.

Nho sĩ Duy Tân luôn luôn quan tâm đến giáo dục lòng yêu nước, tinh thần hy sinh vì Tổ quốc, ý thức đoàn kết, độc lập, tự cường cho học sinh. Công việc biên soạn, truyền bá phổ thông lịch sử nước nhà, theo họ, là hết sức quan trọng. Coi nhẹ quốc sử không chỉ tạo ra sự ngu dốt mà còn là gốc rễ của sự nghèo hèn. Do vậy, mục đích của học quốc sử là để phục vụ quê hương, đất nước, góp phần đắc lực vào chấn dân khí, phát huy cái tốt của dân tộc mình, đào tạo tính khí chất cho thanh niên. Nhà trường phải tích cực dạy các môn lịch sử, địa lý để giáo dục lòng yêu nước, với những sách giáo khoa như: *Đại Nam nhất thống chí, Quảng Nam dư địa chí, Việt sử cảnh,*...

Điểm khác biệt trong tư tưởng duy tân của nho sĩ Duy Tân so với trí thức Tây học là ở chỗ, nho sĩ tỏ ra hết sức khách quan và công bằng trong việc đánh giá về nền tân học và cựu học. Một mặt, các ông ủng hộ và ra sức phát triển tân học nhằm nâng cao dân trí, mặt khác, các ông cũng khẳng định vị trí của cựu học với vai trò cung cấp tri thức nền móng mà cha ông ta đã xây dựng và truyền lại qua bao thế hệ, qua bao thăng trầm của lịch sử. Họ cho rằng, trong quá trình dân tộc ta học tập tri thức của thiên hạ, phải biết chắt lọc tinh hoa của nhân loại để áp dụng vào cuộc sống, tăng cường sức mạnh dân tộc, đồng thời phải khôn ngoan, tỉnh táo để nó không chỉ phôi tư tưởng ta hoàn

toàn, ta không trở thành “nô lệ tư tưởng”. Điều này còn nguyên giá trị đối với chúng ta ngày nay. “Vứt bỏ cái gần gũi với ta mà chuyên theo đuổi những cái xa xôi, hão huyền, thì cái sở học mất gốc rễ. Coi cái của ta là hèn kém mà chỉ chú trọng đến cái của thiên hạ, thì cái điều gọi là thành công đấy, rút cuộc cũng chỉ là tư tưởng nô lệ” [10, 44].

Tư tưởng duy tân về giáo dục của nho sĩ Việt Nam đầu thế kỷ XX có những chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều phương diện, từ đổi mới vai trò, vị trí đến đổi mới về mục đích, mô hình, phương thức giáo dục và nội dung giáo dục. Họ muốn coi duy tân giáo dục là khâu trọng yếu, đột phá trong công cuộc duy tân xã hội Việt Nam, công cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc; hơn nữa họ muốn thông qua giáo dục xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam. Qua đó cho thấy, trong thời kỳ đất nước bị xâm lược cũng như khi độc lập, giáo dục vẫn đóng một vai trò hết sức quan trọng và là nền tảng cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, giáo dục phải luôn được ưu tiên phát triển ngày một vững mạnh, khoa học và hiện đại.

Như vậy, cùng với những tác động khách quan, bản thân các nho sĩ Duy Tân Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng đã phải tự thân vận động, thâm nhập vào thực tế để nắm vững tình hình trong và ngoài nước. Từ đó, họ đã có thể tự phủ định, vượt qua những hạn chế về ý thức hệ và đường lối của lớp người đi trước, xác lập đường lối cứu nước mới trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc từ tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trong hoạt động thực tiễn sau này, các nho sĩ Duy Tân còn

liên tục rút ra các vấn đề lý luận từ thực tiễn và từ tiếp thu lý luận họ đã bổ sung, phát triển ý thức hệ của mình. Tư tưởng và hoạt động của họ luôn trong quá trình vận động, biến chuyển cùng sự phát triển của lịch sử tư tưởng, lịch sử dân tộc □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (2006). *Tư tưởng triết học Việt Nam trong bối cảnh du nhập các tư tưởng Đông - Tây nửa đầu thế kỷ XX*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2008). *100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục và công cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phan Bội Châu, *toàn tập* (1990). Tập 1. Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Phan Bội Châu, *toàn tập* (1990). Tập 2. Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2007). *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Q. Thắng (2001). *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
7. Nguyễn Q. Thắng (2002). *Huỳnh Thúc Kháng - con người và thơ văn*. Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. Nguyễn Q. Thắng (2006). *Phong trào Duy Tân - các khuôn mặt tiêu biểu*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Chương Thâu (1982). *Đông kinh nghĩa thực và phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỷ XX*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
10. Chương Thâu (2007). *Góp phần tìm hiểu Nho giáo, nho sĩ, trí thức Việt Nam trước năm 1945*. Nxb. Văn hóa thông tin & Viện văn hóa, Hà Nội.
11. Chương Thâu, Đào Duy Mẫn, Nguyễn Tiến Đoài, Phạm Bào (2008). *Đình nguyên Hoàng Giáp Đào Nguyên Phổ*. Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
12. *Tổng tập văn học Việt Nam - tập 21* (1996). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (1997). *Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục*. Nxb. Văn hóa, Hà Nội.